

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



TRƯỜNG THỊ HẠNH NHÂN

**PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ÓM ĐAU,
THAI SẢN QUA THỰC TIỄN TẠI BẢO HIỂM XÃ HỘI
Ở TỈNH GIA LAI**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trương Hồng Quang**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận văn	6
7. Bố cục của luận văn	6
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN	7
1.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội và chi trả chế độ ốm đau, thai sản	7
1.1.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm xã hội	7
1.1.2. Khái quát về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	7
1.2. Khái quát pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.....	8
1.2.1. Khái niệm pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	8
1.2.2. Nội dung pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	8
1.2.3. Pháp luật một số nước trên thế giới về chi trả chế độ ốm đau, thai sản và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	9
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	9
1.3.1. Các yếu tố chủ quan	9
1.3.2. Các yếu tố khách quan	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN TẠI BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH GIA LAI	11
2.1. Thực trạng pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.....	11
2.1.1. Quy định pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	11
2.1.2. Đánh giá pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.....	12

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	12
2.2.1. Đặc điểm Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.....	13
2.2.2. Thực tiễn chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai ...	13
2.2.3. Đánh giá một số hạn chế, khó khăn trong quá trình thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	15
2.2.4. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn trong thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	17
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN TẠI VIỆT NAM.....	20
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	20
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản	21
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.....	21
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.....	21
KẾT LUẬN	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chính sách bảo hiểm xã hội với vai trò là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, được Đảng, Nhà nước ta quan tâm phát triển và coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực đối với sự phát triển bền vững đất nước. Chính sách này thể hiện tính nhân văn rất sâu sắc, góp phần quan trọng bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên thực tế, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội nói chung, trong đó có vấn đề chi trả chế độ ốm đau, thai sản. Quy định của chính sách về chi trả chế độ ốm đau, thai sản trong một số trường hợp chưa hợp lý, có trường hợp rất bất cập, dẫn đến thiếu công bằng trong nguyên tắc “đóng - hưởng”, như điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ thai sản khi sinh con; điều kiện về thời gian khi lao động nữ trong thời gian mang thai phải nghỉ việc để dưỡng thai; người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau trong doanh nghiệp thực hiện chế độ tiền lương khoán sản phẩm. Ngoài ra, thời gian qua đã xuất hiện tình trạng lợi dụng quy định của chính sách để trục lợi quỹ ốm đau, thai sản như: giả mạo chứng từ hưởng chế độ ốm đau, thai sản; mua bán, cấp không giấy tờ, hồ sơ hưởng chế độ; thành lập các công ty nhưng không hoạt động mà chỉ nhằm mục đích trục lợi quỹ; có trường hợp mới đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội đã hưởng ốm đau nhiều ngày, sau đó không tham gia bảo hiểm xã hội nữa; một bộ phận viên chức, người lao động còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật chưa cao; chưa quyết liệt chuyển đổi tác phong hành chính sang tác phong phục vụ người lao động và doanh nghiệp. Một số trường hợp khác có thể kể đến như không nắm đầy đủ, chặt chẽ các quy định của chính sách, pháp luật dẫn đến tư vấn, tuyên truyền không đạt hiệu quả, làm cho người lao động và đơn vị sử dụng lao động hiểu lầm hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập này đặt ra yêu cầu cần có các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác thực hiện việc chi trả chế độ ốm đau, thai sản cho phù hợp với cơ chế quản lý mới là hết sức cần thiết.

Với những lý do trên, học viên quyết định lựa chọn đề tài “**Pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản qua thực tiễn tại Bảo hiểm xã hội ở tỉnh Gia Lai**” để nghiên cứu viết luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Thời gian qua ở nước ta đã có khá nhiều đề tài nghiên cứu liên quan đến chính sách bảo hiểm xã hội ở nhiều khía cạnh khác nhau như về vấn đề an sinh xã hội, về quản lý chính sách bảo hiểm xã hội. Mỗi công trình nghiên cứu đều có mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và cách tiếp cận riêng về bảo hiểm xã hội. Sau đây là một số đề tài nghiên cứu về chi trả chế độ bảo hiểm xã hội nói chung và chế độ ốm đau, thai sản nói riêng đã được thực hiện:

Luận văn Thạc sĩ của tác giả Đỗ Thị Hằng năm 2015 với đề tài “*Pháp luật về hoạt động thu bảo hiểm xã hội của Tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam*”, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam. Luận văn đã đi sâu tìm hiểu các quy định của pháp luật thu Bảo hiểm xã hội và thực trạng hoạt động thu Bảo hiểm xã hội của tổ chức Bảo hiểm xã hội hiện nay. Trên cơ sở những tồn tại, hạn chế, luận văn đã đưa ra được một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng hoạt động thu Bảo hiểm xã hội trong giai đoạn sắp tới.

Luận văn của tác giả Nguyễn Thị Liên Lý về “*Xử lý vi phạm pháp luật về Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam*” năm 2020, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu, đánh giá thực trạng vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện nghĩa vụ đóng và trong giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội; các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội (xử lý hành chính, xử lý hình sự và một số biện pháp khác) để thấy được sự phức tạp của tình hình vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội cũng như những nỗ lực, cố gắng của các cơ quan chức năng nói chung và ngành Bảo hiểm xã hội nói riêng trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Luận văn Thạc sĩ: “*Hoàn thiện công tác kiểm soát chi bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố Hội An*” năm 2018 của tác giả Trần Nguyên Phúc. Đề tài đã đánh giá được thực trạng công tác kiểm soát chi bảo hiểm xã hội tại thành phố Hội An còn những mặt hạn chế do chi sai chế độ chính sách, chi chậm trễ so với thời gian quy định, chi không đúng đối tượng, nhầm lẫn thường xảy ra ở những trường hợp sau: Cán bộ xét duyệt còn kém năng lực chuyên môn hoặc

cầu kết với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Việc thẩm định hồ sơ chứng từ do người lao động hoặc đơn vị sử dụng lao động cung cấp. Từ đó đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc kiểm soát chi bảo hiểm xã hội trên địa bàn thành phố Hội An.

Luận văn Thạc sĩ: *“Hoàn thiện kiểm soát chi Bảo hiểm xã hội tại tỉnh Phú Yên”* của Nguyễn Thị Hoàng Oanh năm 2012. Luận văn đã đánh giá được những hạn chế của thực trạng và từ đó đưa ra được những đề xuất giải pháp: sự nhận thức và quan điểm quản lý của lãnh đạo, sự hỗ trợ của bảo hiểm xã hội Việt Nam, cần hệ thống hóa công nghệ thông tin trên toàn quốc để kết nối dữ liệu tránh những trường hợp gian lận, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ban ngành có liên quan, các văn bản chỉ đạo về công tác chuyên môn cho chặt chẽ thì mới tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát chi bảo hiểm xã hội mang lại hiệu quả hữu hiệu.

Luận văn thạc sĩ: *“Hoàn thiện công tác kiểm soát chi bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng”* năm 2012 của tác giả Đoàn Thị Lệ Hoa. Đề tài đã đánh giá được thực trạng công tác kiểm soát chi bảo hiểm xã hội tại thành phố Đà Nẵng còn những mặt hạn chế do viên chức nghiệp vụ chưa thực hiện tốt việc xét duyệt, thẩm định hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội, chưa chặt chẽ trong việc theo dõi quản lý đối tượng hưởng chế độ. Từ đó đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc kiểm soát chi bảo hiểm xã hội trên địa bàn thành phố.

Luận văn thạc sĩ: *“Hoàn thiện quản lý chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội tại Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum”* năm 2017 của tác giả Võ Đức Dũng. Đề tài đã đánh giá được thực trạng quản lý chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội tại thành phố Kon Tum; Trên cơ sở những quy định của Luật bảo hiểm xã hội hiện hành, kết hợp với khảo sát thực tế việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội tại bảo hiểm xã hội huyện Hồng Dân, luận văn sẽ phân tích thực trạng Quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại bảo hiểm xã hội huyện Hồng Dân và tổng hợp đánh giá những kết quả, tồn tại trong việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội tại bảo hiểm xã hội huyện Hồng Dân trong giai đoạn hiện nay và đưa ra các giải pháp ngăn ngừa, xử lý gian lận, sai sót xảy ra trong quá trình chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội tại đơn vị nhằm hoàn thiện quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại bảo hiểm xã hội huyện Hồng Dân trong thời gian tới.

Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Lâm Thị Thu Huyền năm 2023 với đề tài “*Hoàn thiện pháp luật bảo hiểm xã hội bắt buộc ở Việt Nam*”, tại trường Đại học Luật Hà Nội. Trên cơ sở quan điểm về lý luận được nghiên cứu, luận án đánh giá thực trạng pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc ở Việt Nam (chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất) đồng thời phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật bảo hiểm xã hội bắt buộc ở Việt Nam trong thời gian qua. Từ những bất cập trong quy định của pháp luật và những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện, luận án đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật bảo hiểm xã hội bắt buộc ở Việt Nam.

Ngoài các công trình nghiên cứu được thực hiện bằng tiếng Việt, đề tài này còn có một số công trình nghiên cứu khác được thực hiện bằng tiếng Anh như: Luận văn Thạc sĩ của tác giả Lê Vũ Minh Quang với đề tài: “*Participation in Voluntary Social Insurance in Bac Ninh - Current Situation and Solution*” (Tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Bắc Ninh - Thực trạng và giải pháp); Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thanh Hằng (2021) về đề tài: “*Handling violations in the field of social insurance in Bac Ninh province - Current situation and solutions*” (Xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh - Thực trạng và giải pháp)...

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản cũng như thực tiễn thi hành pháp luật tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, luận văn sẽ đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản trong thời gian tới, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, nghiên cứu một số vấn đề lý luận pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản; thực trạng thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, chỉ ra nguyên nhân của hạn chế, khó khăn.

Thứ ba, đưa ra các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là vấn đề chi trả chế độ ốm đau, thai sản (lý luận, pháp luật Việt Nam và thực tiễn tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai).

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Luận văn nghiên cứu pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản, thực tiễn tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

Phạm vi về thời gian: Từ giai đoạn năm 2016 đến năm 2022.

Phạm vi địa bàn nghiên cứu: Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, hệ thống các quan điểm, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật và những quan điểm chính sách của Đảng, Nhà nước về chế độ bảo hiểm xã hội nói chung, chi trả chế độ ốm đau, thai sản nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích được dùng để làm rõ khái niệm, đặc điểm vấn đề chi trả chế độ ốm đau, thai sản và làm rõ thực trạng pháp luật Việt Nam về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.

Phương pháp lịch sử được sử dụng để xem xét quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản ở Việt Nam.

Phương pháp hệ thống được sử dụng nhằm mục đích đánh giá thực trạng thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai để tìm ra những hạn chế, khó khăn.

Phương pháp tổng hợp được sử dụng để khái quát hóa nhằm đưa ra những đề xuất, kiến nghị của luận văn.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: Luận văn đã bổ sung và góp phần hoàn thiện lý luận về chi trả các chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai. Luận văn cũng đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, xây dựng, hoàn thiện và thi hành pháp luật về chi trả chế độ, ốm đau thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

Về mặt thực tiễn: Luận văn đánh giá thực tiễn và chỉ ra một số vướng mắc trong thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai. Bên cạnh đó, Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy nghiên cứu ở Trường Đại học Huế, cũng như các cơ sở đào tạo pháp luật, các doanh nghiệp tổ chức hoạt động trong lĩnh vực liên quan, cũng như cho các đối tượng khác có quan tâm.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được trình bày trong 3 Chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Việt Nam.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN

1.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội và chi trả chế độ ốm đau, thai sản

1.1.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm xã hội

1.1.1.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội

BHXH là tổng thể những mối quan hệ giữa Nhà nước với người lao động và NSDLĐ trên cơ sở hình thành quỹ tiền tệ tập trung để trợ cấp cho người lao động và gia đình của họ khi người lao động tham gia BHXH gặp phải rủi ro và sự kiện bảo hiểm dẫn tới bị giảm hoặc mất thu nhập, mất việc làm, nhằm góp phần bảo đảm ổn định cuộc sống của người lao động và gia đình họ, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội.

1.1.1.2. Khái quát về chế độ bảo hiểm xã hội

Ở Việt Nam hiện nay, theo quy định của Luật BHXH, đã thực hiện 6/9 chế độ BHXH nêu trên, gồm: (1) chế độ ốm đau; (2) chế độ thai sản; (3) chế độ TNLĐ, BNN; (4) chế độ BHTN; (5) chế độ hưu trí; (6) chế độ tử tuất. Từ năm 2015 trở đi, chính sách BHTN được điều chỉnh bởi Luật Việc làm. Do vậy, hiện nay, thực chất BHXH có 05 chế độ, gồm: (1) chế độ ốm đau; (2) chế độ thai sản; (3) chế độ TNLĐ, BNN; (4) chế độ hưu trí; (5) chế độ tử tuất.

Quy định các chế độ BHXH là những nội dung cốt lõi của bất kỳ hệ thống BHXH nào, trong đó quy định rõ ràng các quan hệ trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên tham gia; quan hệ về nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động khi tham gia BHXH.

1.1.2. Khái quát về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

1.1.2.1. Khái quát về chế độ ốm đau và chi trả chế độ ốm đau

Chế độ ốm đau là một trong các chế độ BHXH ra đời sớm nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật BHXH.¹

Chế độ ốm đau là một trong những chế độ mà người tham gia BHXH bắt buộc được hưởng khi họ bị ốm đau, bệnh tật.

¹ Lâm Thị Thu Huyền (2023), “Hoàn thiện pháp luật bảo hiểm xã hội bắt buộc ở Việt Nam”, Luận án tiến sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 61.

Chi trả chế độ ốm đau, là hoạt động thanh toán khoản tiền hỗ trợ đối với các đối tượng được hưởng chế độ ốm đau. Mục đích của việc chi trả chế độ ốm đau là hỗ trợ cho NLD một khoản trợ cấp thay thế thu nhập của họ trong thời gian họ không thể làm việc, giúp giảm thiểu tác động lên các vấn đề tài chính do bệnh tật hoặc thương tật gây nên với họ.

1.1.2.2. Khái quát về chế độ thai sản và chi trả chế độ thai sản

Pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản được xây dựng trên tinh thần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLD, đặc biệt là các lao động nữ.

1.2. Khái quát pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

1.2.1. Khái niệm pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Theo Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật của trường Đại học Luật Hà Nội: “*Pháp luật là một hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước đặt ra (hoặc thừa nhận) có tính quy phạm phổ biến, tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức và tính bắt buộc chung thể hiện ý chí của giai cấp nắm quyền lực Nhà nước và được Nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.*”² Theo đó, pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản là cơ sở pháp lý để các chủ thể có liên quan thực hiện hoạt động chi trả chế độ ốm đau, thai sản. Pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tạo ra những chuẩn mực mang tính bắt buộc chung cho các chủ thể có liên quan như chủ thể có nghĩa vụ chi trả chế độ, chủ thể được hưởng chế độ và chủ thể có vai trò quản lý công tác chi trả và nhận chế độ.

1.2.2. Nội dung pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Nội dung thứ nhất: Nhóm các quy định về đối tượng chi trả, điều kiện chi trả chế độ ốm đau và thai sản.

Nội dung thứ hai: Nhóm các quy định về mức chi trả và thời gian hưởng chế độ ốm đau, thai sản.

Nội dung thứ ba: Nhóm các quy định về thủ tục chi trả chế độ ốm đau và thai sản.

Nội dung thứ tư: Nhóm các quy định về giải quyết tranh chấp liên quan đến chi trả chế độ ốm đau và thai sản.

² Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 25.

1.2.3. Pháp luật một số nước trên thế giới về chi trả chế độ ốm đau, thai sản và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

1.2.3.1. Nội dung pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản của một số nước trên thế giới

Tính đến năm 2018, theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), trên thế giới có khoảng hơn 170 nước thực hiện chính sách BHXH, nhưng chỉ có 63 nước (chiếm 38,6%) thực hiện hình thức bảo hiểm hưu trí, TNLĐ, ốm đau, thai sản.³ Theo đó, pháp luật của các nước về chế độ ốm đau, thai sản thể hiện một số nội dung đặc trưng sau đây:

Thứ nhất, về cơ chế lập quỹ ốm đau, thai sản:

Thứ hai, về phương thức đóng góp BHXH của người lao động và NSDLĐ hiện tại vẫn còn hai quan điểm.

Thứ ba, về mức đóng góp BHXH, một số nước quy định NSDLĐ phải chịu toàn bộ chi phí, Chính phủ trả chi phí y tế và trợ cấp gia đình, các chế độ còn lại người lao động, NSDLĐ cùng đóng góp mỗi bên một phần bằng nhau.

1.2.3.2. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Qua nghiên cứu về quá trình tổ chức và thực hiện hệ thống BHXH của một số nước trên thế giới có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Hoàn thiện chính sách BHXH ở Việt Nam phải đứng trên lợi ích của người lao động, NSDLĐ, của Nhà nước và lợi ích của cả xã hội.

- Hệ thống chính sách tài chính BHXH phải đảm bảo quyền bình đẳng về cơ hội tham gia BHXH đối với mọi tầng lớp dân cư, thực hiện tốt hơn các chế độ BHXH;

- Hệ thống tổ chức thực hiện chính sách BHXH phải được cải cách, đổi mới căn bản theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

- Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc hoàn thiện hệ thống chính sách BHXH, hệ thống tổ chức BHXH ở Việt Nam có tính quốc tế hoá cao là rất cần thiết.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

1.3.1. Các yếu tố chủ quan

Thứ nhất, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý chi.

³ Nguyễn Văn Thành (2018), *Một số vấn đề đặt ra đối với công tác bảo hiểm xã hội hiện nay*, ttdđ.

Thứ hai, công tác tuyên truyền về pháp luật và Luật BHXH.

Thứ ba, công tác quản lý tài chính BHXH.

1.3.2. Các yếu tố khách quan

Thứ nhất, đặc điểm tự nhiên - xã hội.

Thứ hai, đặc điểm kinh tế.

Thứ ba, hệ thống pháp luật, quy định về BHXH.

Thứ tư, chính sách tiền lương và chính sách BHXH nói chung, chi trả các chế độ nói riêng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Thứ năm, đối tượng hưởng chế độ BHXH.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN TẠI BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH GIA LAI

2.1. Thực trạng pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

2.1.1. Quy định pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

2.1.1.1. Quy định về đối tượng chi trả và điều kiện chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Về đối tượng chi trả chế độ ốm đau, thai sản:

Theo Điều 24 Luật BHXH năm 2014: “*Đối tượng áp dụng chế độ ốm đau là người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 2 của Luật này*”⁴. Các đối tượng này cũng đồng thời là các đối tượng được hưởng chế độ thai sản theo quy định tại Điều 30 Luật này.

Việc xác định rõ đối tượng được hưởng chế độ ốm đau, thai sản là một khía cạnh quan trọng trong việc thiết kế và thực hiện các hệ thống bảo trợ xã hội nhằm cung cấp các khoản hỗ trợ cho những cá nhân không thể làm việc do ốm đau hoặc trong và sau thời kỳ thai sản. Bằng cách xác định chi tiết cá nhân hoặc các nhóm cá nhân đủ điều kiện nhận chế độ ốm đau, thai sản góp phần hỗ trợ Nhà nước và NSDLĐ trong việc đảm bảo rằng những lợi ích này được nhắm đến mục tiêu là những chủ thể thực sự hỗ trợ và khi đó các chế độ được sử dụng hiệu quả trên thực tế.

Về điều kiện chi trả chế độ ốm đau, thai sản:

- Theo Điều 25 Luật BHXH năm 2014 điều kiện hưởng chế độ ốm;
- Điều 3 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2015.

2.1.1.2. Quy định về thời gian và mức chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Về thời gian hưởng chế độ ốm đau, thai sản:

Thời gian hưởng trợ cấp ốm đau phụ thuộc vào số năm tham gia đóng BHXH, điều kiện, môi trường làm việc và tình trạng bệnh tật.

⁴ Điều 24 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

Thời gian hưởng chế độ khi con đau ốm trong một năm cho mỗi con được tính theo số ngày chăm sóc con tối đa là 20 ngày làm việc nếu con dưới 03 tuổi; tối đa là 15 ngày làm việc nếu con đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi⁵

Về mức chi trả chế độ ốm đau, thai sản⁶

Về thời gian hưởng chế độ khi sinh con:⁷

2.1.1.3. Quy định về thủ tục chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Hồ sơ và thủ tục chi trả chế độ bảo hiểm ốm đau:

Điều 8 Thông tư số 59 quy định Hồ sơ, giải quyết hưởng chế độ ốm đau thực hiện theo quy định tại Điều 100 và Điều 102 của Luật BHXH Người lao động có trách nhiệm nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 100 của Luật BHXH cho người sử dụng lao động nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày trở lại làm việc.

Hồ sơ và thủ tục chi trả chế độ bảo hiểm thai sản:

- Đối với người lao động:
- Đối với người sử dụng lao động:
- Đối với cơ quan BHXH:

2.1.2. Đánh giá pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

2.1.2.1. Hạn chế của pháp luật về chi trả chế độ ốm đau

Thứ nhất, về mức chi trả chế độ ốm đau: không hợp lý giữa những người cùng mắc bệnh chữa trị dài ngày có mức đóng BHXH khác nhau và với những người ốm mắc bệnh thông thường.

Thứ hai, về thời gian hưởng chế độ ốm đau.

2.1.2.2. Hạn chế của pháp luật về chi trả chế độ thai sản

Thứ nhất, về đối tượng chi trả chế độ thai sản.

Thứ hai, về mức chi trả chế độ thai sản.

Thứ ba, về thời gian hưởng chế độ thai sản.

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

⁵ Điều 27 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

⁶ Khoản 4 Điều 28 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Khoản 1 Điều 32 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Khoản 1 Điều 33 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

⁷ Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

2.2.1. Đặc điểm Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

BHXH tỉnh Gia Lai chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam và chịu sự quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn Tỉnh Gia Lai của UBND Tỉnh Gia Lai.

Trên địa bàn tỉnh, năm 2016 có 2.904 đơn vị với 79.900 lao động tham gia BHXH. Đến cuối năm 2022, BHXH tỉnh Gia Lai đã giao dịch với 3.499 cơ quan, tổ chức tham gia BHXH với hơn 95.000 lao động. Cụ thể: 95.973 người tham gia BHXH, tăng 3,2% so với năm 2021, chiếm 17% so với lực lượng lao động trong độ tuổi; 68.124 người tham gia BHYT, tăng 4,2% so với năm 2021, chiếm 12% so với lực lượng lao động trong độ tuổi; 1.265.000 người tham gia BHYT, tăng 6,7% so với năm 2021.

Đã thực hiện và công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và đang xây dựng tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 áp dụng tại đơn vị phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ ngành BHXH.

2.2.2. Thực tiễn chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

2.2.2.1. Vấn đề chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Đối tượng được chi trả các chế độ ốm đau, thai sản là chính bản thân người lao động và gia đình họ; đối tượng được trợ cấp BHXH có thể được hưởng một lần hay hàng tháng, hàng kỳ, hưởng trợ cấp nhiều lần hay ít tùy thuộc vào mức độ đóng góp (thời gian đóng góp và mức độ đóng góp) các điều kiện lao động và biến cố rủi ro mà người lao động gặp phải. Quản lý đối tượng hưởng các chế độ BHXH là công tác thường xuyên, liên tục của cơ quan BHXH (hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan BHXH ủy quyền) nhằm tránh tình trạng đối tượng chi trả không còn tồn tại mà nguồn kinh phí chi trả vẫn được cấp gây ra sự tổn thất cho quỹ BHXH, dẫn đến tình trạng trục lợi quỹ BHXH của các đơn vị và cá nhân.

Về thực hiện thủ tục chi trả chế độ ốm đau, thai sản, khi thẩm định hồ sơ hưởng BHXH tỉnh Gia Lai đã thực hiện kiểm tra, rà soát kỹ các giấy tờ làm căn cứ hưởng chế độ như: Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, Giấy ra viện, Bệnh án, Giấy chứng sinh, Giấy khai sinh, thời gian đóng BHXH... để phát hiện nếu có giấy tờ giả, tẩy xóa hoặc có nội dung nghi vấn về thời gian tham gia

BHXH của lao động nữ có từ 6 tháng đến 8 tháng mà sinh con hoặc tăng giảm không bình thường.

Hiện nay ngành BHXH tỉnh Gia Lai thực hiện những phương thức chi trả chế độ BHXH như sau:

Một là, phương thức chi trả trực tiếp tại cơ quan BHXH. Đây là phương thức chi trả mà người lao động phải trực tiếp đến cơ quan BHXH để nhận tiền chế độ BHXH.

Hai là, phương thức chi trả thông qua NSDLĐ. Đây là mô hình chi trả chế độ ốm đau, thai sản khá phổ biến hiện nay.

Ba là, chi trả qua tài khoản cá nhân (thẻ ATM).

Bốn là, phương thức chi trả qua tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền.

2.2.2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

(1) Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội

Trong những năm qua, công tác kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về BHXH được BHXH tỉnh Gia Lai quan tâm và nỗ lực thực hiện, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý của đơn vị, giảm nợ đọng, xử lý, giảm thiểu tình trạng vi phạm chính sách BHXH đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Qua các đợt thanh tra, kiểm tra đã xử lý thu hồi, nộp quỹ BHXH, BHTN, BHYT số tiền nợ đọng BHXH, BHTN, BHYT tại 12 đơn vị SDLĐ với số tiền trên 16,2 tỷ đồng. Đồng thời yêu cầu các đơn vị sử dụng lao động nghiêm túc khắc phục, chấn chỉnh, thực hiện đúng quy định của pháp luật về đăng ký tham gia, lập hồ sơ giải quyết chế độ BHXH cho người lao động theo quy định, góp phần giảm nợ đọng BHXH, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động tham gia BHXH.

(2) Giải quyết khiếu nại, kiến nghị về chế độ ốm đau, thai sản

Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn thư được giải quyết trả lời nhanh gọn, kịp thời đúng quy định của pháp luật. Số đơn thư chưa giải quyết do tiếp nhận vào cuối năm, thời hạn giải quyết kéo dài sang năm sau.

(3) Mức độ hài lòng của người lao động tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội

Theo báo cáo của BHXH tỉnh Gia Lai kết quả khảo sát qua 9.120 phiếu, có 39,6% rất hài lòng; 51,8% hài lòng; 8,95% bình thường; 0,2% không hài lòng.

2.2.3. Đánh giá một số hạn chế, khó khăn trong quá trình thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

2.2.3.1. Vướng mắc về phía người sử dụng lao động và người lao động

Thứ nhất, về phía NSDLĐ. Trong quá trình thực hiện chính sách BHXH, bên cạnh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi đối với NLĐ, một số đơn vị sử dụng lao động chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện chính sách BHXH, dẫn đến một số hạn chế khi thi hành pháp luật chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Thứ hai, về phía NLĐ. Hiện nay, một bộ phận NLĐ nhất là NLĐ trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không muốn đóng BHXH, thậm chí họ còn thỏa thuận với chủ SDLĐ không đóng BHXH, họ muốn nhận toàn bộ số tiền lương mà NSDLĐ trả hàng tháng để trang trải cho cuộc sống, sinh hoạt trước mắt mà không ý thức được rằng việc tham gia BHXH để được hưởng quyền lợi BHXH khi gặp rủi ro trong lao động như TNLĐ, BNN hay khi ốm đau, lúc thai sản và khi hết tuổi lao động được hưu chế độ hưu trí.

2.2.3.2. Vướng mắc về phía cơ quan bảo hiểm xã hội

Trong giai đoạn hiện nay, ngành BHXH đang quyết liệt cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý, năng lực thực hiện các chính sách, chế độ BHXH, BHYT, BHTN, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện đại, chuyên nghiệp phù hợp với sự phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế, đổi mới lề lối làm việc, chuyển biến mạnh mẽ tác phong hành chính sang tác phong phục vụ, làm hài lòng người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện, vẫn còn những hạn chế, tồn tại nhất định. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn có phần hạn chế, một số chưa được đào tạo cơ bản về kiến thức chuyên ngành sâu, năng lực, trình độ, nhất là trình độ tin học, khả năng sử dụng các phần mềm nghiệp vụ...

Thứ hai, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ NLD và doanh nghiệp của một số cán bộ, viên chức còn mang tính hành chính, quan liêu, thiếu tính phối hợp, vi phạm kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ phải nhận những hình thức kỷ luật.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra mặc dù đã rất nỗ lực nhưng thực tế chưa đạt được yêu cầu trong việc hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng trốn đóng, nợ đóng, lợi dụng, lạm dụng quỹ BHXH hoặc chậm trả chế độ BHXH cho NLD.

Thứ tư, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHXH chưa thực sự sâu rộng đến đông đảo NLD và doanh nghiệp, chỉ tập trung nhiều hơn vào các phương tiện thông tin đại chúng; các biện pháp tiếp cận trực tiếp với NLD và chủ doanh nghiệp chưa nhiều, nên hiệu quả tuyên truyền không cao, dẫn đến nhận thức về chính sách BHXH của một bộ phận lớn NLD và chủ doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế ngoài nhà nước còn rất hạn chế, chủ SDLĐ chưa thấy hết trách nhiệm trong việc tham gia BHXH cho NLD theo quy định của pháp luật, nhiều chủ doanh nghiệp, NLD còn nhầm lẫn BHXH với các loại hình bảo hiểm thương mại.

Thứ năm, công tác chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho NLD thực hiện chủ yếu thông qua đơn vị sử dụng lao động, mặc dù cơ quan BHXH đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát nhưng với số lượng đơn vị khá nhiều, trong khi nhân lực hạn chế nên không thể kiểm tra, kiểm soát tất cả các trường hợp hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, dẫn đến một số đơn vị sử dụng lao động chậm trả hoặc trả không đầy đủ chế độ BHXH cho NLD làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của bản thân họ và gia đình của họ trong lúc ốm đau, thai sản.

2.2.3.3. Vướng mắc về phía các tổ chức công đoàn

Một số nơi, vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho NLD của tổ chức công đoàn còn mờ nhạt, hiệu quả thấp

2.2.3.4. Vướng mắc về các chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội

Thứ nhất, về điều kiện, mức chi trả chế độ ốm đau, thai sản khá rộng rãi, chỉ cần NSDLĐ kê khai, đóng BHXH thì NLD bị ốm là được hưởng chế độ ốm đau; điều kiện lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con chỉ phải đóng BHXH từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi

sinh con. Chính điều này lý giải vì sao, một bộ phận doanh nghiệp ngoài nhà nước “bắt tay” với NLD thực hiện ký HĐLĐ có lựa chọn đối với lao động nữ để chỉ cần đóng BHXH đủ 06 tháng, sau đó nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con, sau khi hết thời gian hưởng trợ cấp thai sản khi sinh con, NLD tiếp tục đề nghị hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, cuối cùng là chấm dứt HĐLĐ.

Thứ hai, về mức chi trả chế độ thai sản khi sinh con bằng 100% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc là một kẽ hở lớn của chính sách, khi lao động nữ biết mình sắp sinh con hoặc NSDLĐ biết rõ điều này sẽ đăng ký mức đóng cao bất thường để được hưởng trợ cấp cao hơn rất nhiều so với mức đóng bình thường trước đó.

Thứ ba, về lập thủ tục chi trả chế độ ốm đau. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH quy định từ Trạm y tế cấp xã, Trung tâm y tế các doanh nghiệp lớn đến các cơ sở y tế tuyến huyện và tương đương đến tuyến tỉnh, tuyến Trung ương đều được cấp giấy này cho NLD. Từ tuyến huyện trở lên còn kiểm soát được, đối với y tế tuyến xã và y tế cơ quan, đơn vị thực sự không thể kiểm soát việc cấp loại giấy này cho NLD làm chứng từ đề nghị thanh toán chế độ ốm đau, thai sản. Ngay cả khi NLD được cấp giấy này không phải vì mục đích hưởng trợ cấp mà vì mục đích nghỉ việc, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ tư, về thời gian giải quyết hồ sơ chế độ ốm đau, thai sản là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ NSDLĐ. Đối với đơn vị sử dụng lao động có ít lao động phát sinh ốm đau, thai sản thì một lần nộp khoảng vài ba chục hồ sơ, nhưng đối với đơn vị sử dụng lao động có nhiều ngàn lao động, một lần nộp vài ba trăm hồ sơ và nhiều đơn vị như vậy nộp cùng một lúc và có thời điểm cơ quan BHXH nhận hàng ngàn hồ sơ, trong khi số người thực hiện xét duyệt chế độ ngày càng giảm nên không thể hoàn thành đúng thời gian quy định, dẫn đến chậm trả kết quả giải quyết hồ sơ và điều quan trọng là NLD chậm được hưởng chế độ BHXH.

2.2.4. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn trong thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

Thứ nhất, về điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương. Trong những năm qua, tình hình kinh tế địa phương gặp nhiều khó khăn, giá cả các mặt hàng nông

sản chiến lược của tỉnh như: Cà phê, tiêu, cao su xuống thấp. Việc sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp bấp bênh, thu hẹp không đảm bảo việc làm cho người lao động, nợ đóng BHXH, BHTN kéo dài với số tiền lớn; các đơn vị hành chính, sự nghiệp tiếp tục tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; các doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ dẫn đến số lao động giảm mạnh trong những năm vừa qua và các năm tiếp theo.

Thứ hai, về công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật. Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHTN vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật dù có nhiều chuyển biến nhưng chưa tác động mạnh đến phát triển đối tượng; một bộ phận người dân, doanh nghiệp, tổ chức chưa thường xuyên tiếp cận thông tin chính sách, pháp luật BHXH, BHTN.

Thứ ba, về ý thức chấp hành pháp luật chi trả chế độ ốm đau, thai sản của các đơn vị sử dụng lao động đối với NLĐ. Đối tượng tham gia BHXH, BHTN tuy có tăng lên nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu; nhiều doanh nghiệp chưa tham gia BHXH. Một số doanh nghiệp cố tình trốn tránh trách nhiệm đăng ký tham gia BHXH cho người lao động. Mặt khác, do hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động, tỷ lệ người tham gia BHXH so với LLLĐ thấp, tỷ lệ nợ BHXH cao tại các doanh nghiệp; Công tác khởi kiện các doanh nghiệp nợ BHXH của tổ chức công đoàn gặp nhiều khó khăn vướng mắc, do bất cập của pháp luật.

Thứ tư, trong công tác quản lý nhà nước còn một số bất cập. Các cơ quan BHXH đã có rất nhiều thay đổi tích cực trong việc giải quyết các chế độ BHXH nói chung và chế độ ốm đau, thai sản nói riêng cho người lao động. Tuy nhiên, còn một số bất cập tồn tại như công tác truyền thông về các quy định pháp luật chưa bao phủ được đến toàn bộ người dân, người dân chưa nắm rõ những quyền lợi, nghĩa vụ về BHXH, dẫn đến việc người lao động thuộc đối tượng hưởng BHXH nhưng không tham gia. Các chế tài xử phạt các vi phạm trong lĩnh vực này chưa đủ tính răn đe tuy Bộ luật Hình sự 2015 đã bổ sung thêm các quy định về tội tội gian lận, trốn đóng bảo hiểm nhưng vẫn còn rất nhiều doanh nghiệp vi phạm. Bên cạnh đó, giữa cơ quan BHXH Việt Nam và các đơn vị chức năng của các tỉnh, thành phố chưa được đồng bộ làm chậm trễ quá trình tiếp nhận và giải

quyết quyền lợi cho người lao động. Trên thực tế, nguyên nhân của hạn chế này một phần là do cán bộ cơ quan BHXH làm việc chưa thực sự hiệu quả. Do cơ cấu nhân sự mỏng, còn thiếu và còn chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên việc sắp xếp nhân lực để tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra và đôn đốc công tác đồng bộ tại các địa phương sẽ chậm trễ và chưa đạt hiệu quả cao.

Thứ năm, việc tổ chức, thực hiện pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản. Trong vòng hơn 3 năm qua, nước ta đã trải qua quãng thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế. Số lượng doanh nghiệp trốn đóng, nợ đóng BHXH còn cao, gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội và lợi ích hợp pháp của người lao động. Trong đó, tình trạng nợ đóng, chậm đóng BHXH chiếm tỷ lệ cao. Qua quá trình giải quyết chế độ ốm đau, thai sản cho người lao động, nhiều địa phương đã tiến hành khởi kiện những trường hợp doanh nghiệp nợ đóng, chậm đóng nhưng không được giải quyết triệt để, thủ tục khởi kiện còn nhiều phức tạp và máy móc.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

Pháp luật chi trả chế độ ốm đau, thai sản đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo vấn đề về sức khỏe, đảm bảo thu nhập cho người lao động nói chung và lao động nữ nói riêng, khi họ mang thai, sinh con. Ngoài ra, cũng như các chính sách xã hội khác, chế độ ốm đau, thai sản vừa tạo điều kiện giúp NLD, đặc biệt là các lao động nữ hoàn thành công việc của mình cũng như đảm bảo thể hiện hết vai trò làm mẹ, vừa giúp họ hoàn thành tốt các công tác xã hội. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy, yêu cầu phải hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm ốm đau, thai sản, cần đáp ứng các yêu cầu cụ thể:

Thứ nhất, khắc phục được những vấn đề bất cập trong pháp luật chi trả chế độ ốm đau, thai sản.

Thứ hai, bảo đảm mối quan hệ tương quan so với các chế độ khác của BHXH. Chế độ ốm đau, thai sản là một trong những chế độ quan trọng trong BHXH, vì vậy, khi tiến hành thay đổi, bổ sung quy định pháp luật liên quan đến chế độ chế độ ốm đau, thai sản cần được đặt trong mối quan hệ tương quan với các chế độ khác trong BHXH.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về chế độ ốm đau, thai sản phải đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với xu hướng chung của pháp luật quốc tế và các quốc gia. Pháp luật chế độ ốm đau, thai sản không chỉ được đặt trong mối quan hệ tương quan với các chế độ khác trong BHXH mà còn phải thể hiện được mối quan hệ tương quan giữa kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ tư, bảo đảm phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung và trong BHXH nói riêng. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến NLD thuộc các thành phần kinh tế và thiết lập những chính sách xã hội phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển trong đó có chính sách về BHXH.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

3.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về chi trả chế độ ốm đau

Thứ nhất, về điều kiện chi trả bảo hiểm ốm đau.

Thứ hai, về thời gian chi trả bảo hiểm ốm đau. Có thể nghiên cứu sửa quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật BHXH 2014 về thời gian hưởng bảo hiểm ốm đau theo hướng quy định thời gian hưởng tối đa trong năm chỉ căn cứ vào thời gian tham gia BHXH mà không phân biệt điều kiện làm việc, điều kiện khu vực hoặc căn cứ theo độ tuổi của NLĐ.

Thứ ba, về mức chi trả bảo hiểm ốm đau. Nhằm đảm bảo quyền lợi giữa các đối tượng hưởng BHXH, cần thống nhất lại mức trợ cấp ốm đau giữa hai đối tượng là NLĐ bình thường và quân nhân. Mức trợ cấp giữa hai đối tượng.

Thứ tư, đánh giá lại danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

3.2.1.2. Hoàn thiện pháp luật về chi trả chế độ thai sản

Thứ nhất, bổ sung chi trả chế độ thai sản vào quyền lợi của người tham gia BHXH tự nguyện.

Thứ hai, bổ sung thêm chi trả các chế độ trợ cấp y tế cho người tham gia chế độ thai sản.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản

3.2.2.1. Giải pháp chung

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện chính sách BHXH theo đúng định hướng XHCN. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách, pháp luật về BHXH.

Thứ hai, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BHXH, nhất là trong việc hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật BHXH. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để đẩy mạnh việc phân cấp cho các cơ quan BHXH; thực hiện giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH cho các địa phương; phân định rõ quản lý nhà nước với quản trị bộ máy tổ chức thực hiện chính sách BHXH.

Thứ ba, thể chế hóa và hoàn thành mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể cũng như 11 nội dung cải cách và 5 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được xác định tại Nghị quyết số 28-NQ/TW, Luật BHXH và văn bản hướng dẫn thi hành từ nhận thức, tư duy và hành động để cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thấy rõ hơn vai trò, ý nghĩa, lợi ích của việc tham gia BHXH với tiến bộ, công bằng, ổn định chính trị, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển ổn định, bền vững đất nước, từ đó hình thành nhu cầu tự giác tham gia, ý thức chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về BHXH.

Thứ tư, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về BHXH. Xây dựng cơ sở dữ liệu về BHXH, bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng cung ứng dịch vụ của cơ quan BHXH.

Thứ năm, hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện chính sách BHXH theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thứ sáu, đẩy mạnh cải cách TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả các lĩnh vực BHXH; hoàn thiện, đẩy mạnh kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan nhằm phục vụ tốt công tác thực hiện chính sách và công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách. Tiếp tục hiện đại hóa quản lý BHXH, đầu tư phát triển công nghệ và phương pháp quản lý tiên tiến trong tổ chức thực hiện BHXH. Kịp thời ngăn chặn tình trạng gian lận, trục lợi chính sách BHXH.

Thứ bảy, tích cực, chủ động hội nhập và phát triển hướng đến một hệ thống BHXH chuyên nghiệp, hiện đại, bền vững và hiệu quả, lấy sự hài lòng của mọi người dân và doanh nghiệp tham gia BHXH làm mục tiêu, làm thước đo chất lượng hoạt động của ngành.

3.2.2.2. Giải pháp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tham mưu, triển khai thực hiện.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác khai thác, phát triển đối tượng tham gia BHXH; tăng cường công thu BHXH, giảm nợ đọng.

Thứ ba, tăng cường công tác quản lý thu BHXH. Bảo đảm quán triệt nguyên tắc xác định đúng quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH; thực hiện thu đúng, thu đủ, kịp thời số tiền BHXH vào quỹ BHXH; cập nhật đầy đủ dữ liệu quá trình tham gia BHXH của người lao động vào chương trình quản lý thu; thực hiện trả sổ BHXH cho người lao động theo quy định; thường xuyên theo dõi, quản lý, cập nhật sự biến động của từng đơn vị sử dụng lao động, từng cá nhân người lao động (tăng, giảm lao động và mức đóng BHXH).

Thứ tư, tăng cường công tác kiểm tra, hậu kiểm tình hình thực hiện chế độ ốm đau, thai sản cho người lao động.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách BHXH.

Thứ sáu, cải cách hành chính về giải quyết chi trả chế độ ốm đau, thai sản.

Thứ bảy, tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đối với cán bộ, viên chức thực hiện chính sách BHXH, trao dồi kinh nghiệm, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, viên chức và cái tâm nghề nghiệp với phương châm làm một việc, biết nhiều việc.

Thứ tám, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chính sách BHXH, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chi trả.

KẾT LUẬN

Bảo hiểm xã hội là một trong những nhu cầu tất yếu trong cuộc sống của con người. Mục đích của bảo hiểm xã hội là cung cấp sự bảo vệ cần thiết cho con người trước những mối đe dọa giảm hoặc mất nguồn thu nhập từ các nguyên nhân như: thất nghiệp, tai nạn lao động, bảo hiểm y tế, ốm đau, tuổi già hay các nguy cơ khác. Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu về bảo hiểm xã hội càng cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, xu thế già hoá dân số, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra nhanh chóng kéo theo hệ quả là trình trạng thất nghiệp, các loại bệnh tật gia tăng nên nhu cầu bảo hiểm là rất cấp bách. Những đặc thù đó đòi hỏi quỹ bảo hiểm xã hội phải được chú trọng đến hoạt động khai thác, phát triển đối tượng, huy động nguồn tài chính cho quỹ bảo hiểm xã hội; phân phối, sử dụng và kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định quỹ ốm đau, thai sản, để quỹ này chỉ dùng để chi trả cho người lao động khi ốm đau, thai sản, tạo điều kiện để người lao động vượt qua những khó khăn trong cuộc sống khi bị giảm hoặc mất thu nhập tạm thời, thể hiện đầy đủ bản chất nhân văn rất sâu sắc của chính sách bảo hiểm xã hội trong việc đảm bảo an sinh xã hội và hỗ trợ cho nền kinh tế phát triển bền vững.

Bảo hiểm xã hội là một chính sách xã hội nhưng đồng thời cũng là một công cụ của Nhà nước tham gia vào việc phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý giữa các tầng lớp dân cư. Về cơ bản, nguồn kinh phí để thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội do người sử dụng lao động và người lao động tham gia đóng góp, Nhà nước bảo hộ, đảm bảo cho quỹ bảo hiểm xã hội không bị phá sản đã giảm bớt được “gánh nặng” cho ngân sách nhà nước, nhưng Nhà nước vẫn thực hiện được mục tiêu an sinh xã hội lâu dài và bền vững, góp phần đảm bảo sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Chính sách bảo hiểm xã hội với vai trò là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, được Đảng, Nhà nước ta quan tâm phát triển và coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực đối với sự phát triển bền vững đất nước, thể hiện tính nhân văn rất sâu sắc của chính sách bảo hiểm xã hội, góp phần quan trọng bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội.

Để góp phần vào sự phát triển của bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, đề tài *“Pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản qua thực tiễn tại Bảo hiểm xã hội*

ở tỉnh Gia Lai” đã tập trung nghiên cứu thực trạng pháp luật và thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022. Trên cơ sở phân tích các ưu điểm, hạn chế, khó khăn, nguyên nhân của các hạn chế, khó khăn, luận đã đưa ra các giải pháp để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản cũng như nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về vấn đề này tại Việt Nam nói chung và địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng. Bảo hiểm xã hội bắt buộc luôn giữ vai trò là một trụ cột quan trọng của hệ thống an sinh xã hội. Bảo hiểm xã hội là công cụ hữu hiệu nhất để đảm bảo quyền lợi của người lao động và gia đình họ, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trong ngắn hạn và dài hạn. Do đó, những kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chi trả chế độ ốm đau, thai sản hiện nay sẽ góp phần xây dựng hệ thống pháp luật an sinh xã hội thống nhất, khoa học, hiện đại, có tính khả thi vì sự phát triển của đất nước./.